

## ĐỀ THI QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH LỚP

1. Trả lãi vay được xếp vào ngân quỹ từ \_\_\_\_\_, trả vốn gốc được xếp vào ngân quỹ từ \_\_\_\_\_.

- A. Hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính
- B. Hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư
- C. Hoạt động đầu tư, hoạt động kinh doanh

**D. Hoạt động tài chính, hoạt động tài chính**

Tăng giảm tiền trong hoạt động kinh doanh: Nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh vào cuối năm 2012 và 2013 của Công ty khá lớn, ghi nhận mức tiền thu được là 995,742 tỷ đồng vào năm 2012 và 1045,544 tỷ đồng vào năm 2013, tăng 58,802 tỷ đồng. Tăng giảm tiền trong hoạt động đầu tư: Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư ghi âm năm 2012 là 517,844 tỷ đồng, năm 2013 là 543,792 tỷ đồng chủ yếu do dòng tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định lớn. Tăng giảm tiền trong hoạt động tài chính: Ngoài tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được và ghi dương; lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính còn thể hiện ở khoản mục đã chi trả gốc vay trong 0 2 năm qua. Năm 2012 Công ty đã chi trả 522,743 tỷ đồng, năm 2013 chi trả 543,426 tỷ đồng thanh toán gốc vay đến hạn.

2. Đặc điểm nào dưới đây là **nhược điểm** của việc phân tích theo tiêu chuẩn NPV:

- A. Có tính đến giá trị tiền tệ theo thời gian và yếu tố rủi ro
- B. Xem xét toàn bộ dòng tiền của dự án

**C. Phụ thuộc vào suất chiết khấu**

- D. Có thể cộng/trừ các NPV với nhau

**C:** Vì trong công thức của NPV, các mẫu số là  $(1+r)^n$ , do đó NPV phụ thuộc vào lãi suất chiết khấu.

3. Những tiêu chuẩn thẩm định dự án đầu tư nào dưới đây không sử dụng nguyên tắc giá trị tiền tệ theo thời gian?

**A. Tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn**

- B. Tiêu chuẩn tỷ suất sinh lời nội bộ (MIRR)
- C. Tiêu chuẩn hiện giá thuần (NPV: có liên quan đến  $(1+r)^n$ )
- D. Dòng tiền chiết khấu (thời gian hoàn vốn có chiết khấu).

**A: Vì nhược điểm của thời gian hoàn vốn là bỏ qua sự so sánh cần thiết của dòng tiền tương lai tới vốn đầu tư ban đầu.**

**4. Các giám đốc vốn thường phụ trách công việc sau đây của một công ty cổ phần ngoại trừ:**

**A. Lập các báo cáo tài chính**

B. Thiết lập các mối quan hệ với các nhà đầu tư

C. Quản lý tiền mặt

D. Tìm kiếm các nguồn tài trợ

**A: Vì thầy Hưng giảng giám đốc vốn chỉ làm các việc ở câu B C D.**

**5. Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) cho thấy rằng**

A. Phần bù rủi ro dự kiến của một cổ phần tương xứng với beta của nó

B. Tỷ suất sinh lợi dự kiến của một cổ phần tương xứng với beta của nó

**C. Tỷ suất sinh lợi dự kiến của một cổ phần phụ thuộc vào lãi suất phi rủi ro và tỷ suất sinh lợi thị trường**

D. Tỷ suất sinh lợi dự kiến của một cổ phần dựa vào lãi suất phi rủi ro

**6. Mức độ ảnh hưởng của \_\_\_\_\_ phản ánh mức độ thay đổi về thu nhập vốn chủ sở hữu do sự thay đổi về lợi nhuận trước thuế và lãi vay phải trả**

**A. Đòn bẩy kinh doanh (DOL: đòn bẩy định phí)**

B. Đòn bẩy tài chính (DFL)

C. Đòn bẩy tổng hợp (DTL)

D. Tất cả các câu trên đều sai

**A: Vì đo lường sự thay đổi tỷ lệ phần trăm lợi nhuận do sự thay đổi doanh thu.**

**Doanh lợi là doanh thu và lợi nhuận (%sale), lợi nhuận trước thuế và lãi vay phải trả là %EBIT.**

**7. Một công ty tài chính APEC bán cho công ty bánh kẹo Hải Hà một tài sản cố định trị giá là 10 tỷ đồng nhưng vì Công ty Hải Hà gặp khó khăn về tài chính nên muốn nợ đến cuối năm mới trả và công ty tài chính yêu cầu trả 11,2 tỷ đồng. Hãy tính lãi suất của khoản mua chịu trên?**

**A. 12%**

B. 13%

C. 14%

D. 10%

**A: vì  $(11.2 - 10)/10 \times 100\% = 12\%$**

**8. Những rủi ro mà nó sẽ ảnh hưởng đến tất cả các doanh nghiệp với một mức độ nào đó được gọi là rủi ro**

**A. Hệ thống**

B. Không hệ thống

C. Đặc thù của công ty

D. Riêng có

**A: vì trên mức độ của tất cả các doanh nghiệp thì gọi là hệ thống (ví dụ rủi ro kinh tế, rủi ro pháp luật thay đổi, rủi ro môi trường biến động, rủi ro chiến tranh,...)**

**9. Mô hình định giá cổ phần thường với cổ tức tăng trưởng đều hàng năm của Gordon đã giả định rằng**

**A. Cổ tức đang tăng trưởng với tốc độ đều hàng năm cho đến vĩnh viễn**

B.  $r < g$

C.  $g$  không bao giờ  $< 0$

D.  $r = g$

**A Vì: GG - Mô hình tăng trưởng Gordon giả định rằng một công ty tồn tại mãi mãi và việc trả cổ tức cho mỗi cổ phiếu tăng với tốc độ không đổi và  $r > g$ .**

**10. Mục tiêu về tài chính của một công ty cổ phần là**

A. Doanh số tối đa

B. Tối đa hóa lợi nhuận

**C. Tối đa hóa giá trị công ty cho các cổ đông**

D. Tối đa hóa thu nhập cho các nhà quản lý

**C: Vì thầy giảng ở chương 1.**

Thường tối đa hóa thu nhập cho các nhà quản lý nằm ở doanh nghiệp tư nhân, công ty gia đình; doanh số tối đa và tối đa hóa lợi nhuận thường nằm ở các công ty TNHH

11. \_\_\_\_\_ cung cấp tóm tắt vị thế tài chính của công ty tại một thời điểm nhất định

**A. Bảng cân đối kế toán**

B. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

C. Báo cáo dòng tiền

D. Báo cáo thu nhập

**A: Vì định nghĩa nó vậy (sách trang 29)**

12. Giá trị tương lai được định nghĩa như là:

A. Dòng tiền tương lai được chiết khấu về hiện tại

B. Nghịch đảo của dòng tiền tương lai

**C. Dòng tiền hiện tại đã tính kép vào tương lai**

D. Giá trị tương lai của dòng tiền hiện tại

**C: Vì  $FV = PV \times (1+r)^n$**

13. Nếu \_\_\_\_\_ tăng thì điểm hòa vốn giảm.

A. Biến phí đơn vị sản phẩm

**B. Giá bán đơn vị sản phẩm**

C. Tổng định phí

D. Tổng chi phí

**B: Vì  $Q \text{ hòa vốn} = \text{Định phí} / (\text{Giá bán} - \text{biến phí})$**

14. \_\_\_\_\_ cho biết 1 đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận

A. ROE (Return on equity: tỷ số lợi nhuận trên vốn)

B. Lợi nhuận ròng biên

C. Vòng quay tài sản